

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÀM THUẬN BẮC
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2019/DS-ST

Ngày : 16/4/2019

V/v tranh chấp về nghĩa vụ
dân sự

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀM THUẬN BẮC,
TỈNH BÌNH THUẬN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mi Mi.

Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Nguyễn Thanh Phong;

2/ Bà Trần Thị Hòa Xuân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Võ Văn - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận.

Ngày 16 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 221/2018/TLST-DS ngày 26 tháng 12 năm 2018 về việc: “*Tranh chấp về nghĩa vụ dân sự*”; Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2019/QĐST-DS ngày 07/3/2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2019/QĐST-DS ngày 26/3/2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty TNHH sản xuất - dịch vụ - thương mại S.

Địa chỉ: Thôn A, xã H, huyện H, tỉnh Bình Thuận.

Người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH sản xuất - dịch vụ - thương mại S: Ông Lê Văn S - Chức vụ: Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Lê Văn S: Bà Đặng Thị Lệ T - Chức vụ: Kế toán. Theo Giấy ủy quyền ngày 12/12/2018.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị H - Sinh năm 1966.

Địa chỉ: Khu phố 1, thị trấn M, huyện H, tỉnh Bình Thuận.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Phạm C - Sinh năm 1964.

Địa chỉ: Khu phố 1, thị trấn M, huyện H, tỉnh Bình Thuận.

Đương sự có mặt tại phiên tòa: Bà Đặng Thị Lệ T.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa: Bà Nguyễn Thị H, ông Phạm C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 12/12/2018, đơn khởi kiện bổ sung ngày 10/01/2019, bản khai và lời khai của nguyên đơn Công ty TNHH sản xuất - dịch vụ - thương mại S do bà Đặng Thị Lệ T đại diện theo ủy quyền trình bày : Năm 2015, bà Nguyễn Thị H có mua vật liệu xây dựng, phân bón và thuốc trừ sâu của Công ty TNHH sản xuất - dịch vụ - thương mại S (sau đây gọi tắt là Công ty S) với tổng số tiền 29.081.000đồng. Sau khi mua nợ thì bà Nguyễn Thị H có xin trả lãi hàng tháng cho đến khi thanh toán hết số nợ gốc và có giao cho bà Lê Thị Kim Giang (là con dâu của bà H) đi trả lãi hàng tháng. Việc trả lãi hàng tháng thì có tháng trả, tháng không trả. Sau khi không trả đúng như cam kết thì bà Nguyễn Thị H có làm giấy xác nhận nợ vào ngày 24/3/2016 với nội dung số tiền nợ gốc 29.081.000đồng, tiền lãi phải trả 5.838.000đồng tính đến ngày 24/3/2016, tổng số tiền nợ phải trả là 34.919.000đồng và hẹn đến ngày 20/5/2016 sẽ trả hết số nợ đã xác nhận. Tuy nhiên, sau đó bà H chỉ trả được số tiền 14.660.000đồng trong đó gồm 8.822.000đồng nợ gốc và 5.838.000đồng nợ lãi, còn nợ lại số tiền gốc 20.259.000đồng. Công ty TNHH S đã tạo điều kiện để bà H trả hết số nợ trên nhưng bà H cố tình không trả nên Công ty yêu cầu bà Hồng phải trả lãi suất quá hạn đối với số tiền gốc còn lại với lãi suất là 2%/tháng. Tuy nhiên, tại phiên Tòa Công ty TNHH sản xuất - dịch vụ - thương mại S thay đổi yêu cầu tính lãi chỉ yêu cầu bà Nguyễn Thị H phải trả số tiền nợ tổng cộng 29.375.000đồng, gồm số tiền nợ gốc là 20.259.000đồng và số tiền lãi phát sinh từ ngày 21/5/2016 đến ngày 21/3/2019 là 9.116.000đồng (lãi được tính như sau: Từ ngày 21/5/2016 đến ngày 21/01/2017 là 8 tháng, lãi suất 0,75%/tháng : $20.259.000\text{đồng} \times 1,5\%/\text{tháng} \times 8 \text{ tháng} = 1.215.000\text{đồng}$ và Từ ngày 21/01/2017 đến ngày 21/3/2019 là 26 tháng, lãi suất 1,5%/tháng : $20.259.000\text{đồng} \times 1,5\%/\text{tháng} \times 26 \text{ tháng} = 7.901.000\text{đồng}$).

Bị đơn bà Nguyễn Thị H, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm C vắng mặt từ khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành niêm yết, tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nên Tòa án không thể tiến hành các thủ tục tố tụng như ghi lời khai, lập biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

1/ Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền:

Nguyên đơn khởi kiện tranh chấp yêu cầu bị đơn trả số tiền nợ là 32.743.000đồng. Đây là tranh chấp về nghĩa vụ dân sự. Bị đơn có địa chỉ tại khu phố 1, thị trấn M, huyện H, tỉnh Bình Thuận nên theo quy định tại Khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận.

2/ Về thủ tục tố tụng: Bị đơn bà Nguyễn Thị H, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm C đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án theo quy định của pháp luật nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Do giao dịch dân sự giữa nguyên đơn và bị đơn được thực hiện vào thời điểm Bộ luật dân sự 2005 có hiệu lực, nên Hội đồng xét xử áp dụng Bộ luật dân sự 2005 để giải quyết vụ án.

3/ Về nội dung:

Tại phiên tòa, đại diện của nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán số nợ tổng cộng 29.375.000đồng, gồm số tiền nợ gốc là 20.259.000đồng và số tiền lãi phát sinh từ ngày 21/5/2016 đến ngày 21/3/2019 là 9.116.000đồng (lãi được tính như sau: Từ ngày 21/5/2016 đến ngày 21/01/2017 là 8 tháng, lãi suất 0,75%/tháng : $20.259.000\text{đồng} \times 1,5\%/\text{tháng} \times 8 \text{ tháng} = 1.215.000\text{đồng}$ và Từ ngày 21/01/2017 đến ngày 21/3/2019 là 26 tháng, lãi suất 1,5%/tháng : $20.259.000\text{đồng} \times 1,5\%/\text{tháng} \times 26 \text{ tháng} = 7.901.000\text{đồng}$).

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy: Giữa nguyên đơn Công ty TNHH sản xuất - dịch vụ - thương mại S với bà Nguyễn Thị H có xác lập giao dịch dân sự mua bán hàng hóa, bà Hồng có xác nhận số tiền nợ Công ty TNHH sản xuất - dịch vụ - thương mại S theo Giấy xác nhận nợ dân ngày 24/3/2016 với nội dung số tiền nợ 29.081.000đồng, tiền lãi phải trả 5.838.000đồng tính đến ngày 24/3/2016, tổng số tiền nợ phải trả là 34.919.000đồng và hẹn đến ngày 20/5/2016 sẽ trả hết số nợ đã xác nhận. Sau đó bà Hồng trả cho Công ty TNHH sản xuất - dịch vụ - thương mại S số tiền 14.660.000đồng gồm 8.822.000đồng nợ gốc và 5.838.000đồng nợ lãi, còn nợ lại số tiền 20.259.000đồng. Bị đơn bà Nguyễn Thị H đã được tổng đạt hợp pháp các văn bản tố tụng của Tòa án nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc nhưng không

trình bày ý kiến, tham gia phiên hòa giải, không cung cấp tài liệu chứng cứ, không có yêu cầu phản tố nên căn cứ vào nội dung Giấy xác nhận nợ dân ngày 24/3/2016 đã được các bên thỏa thuận ký kết về số tiền nợ và thời hạn thanh toán nợ, Hội đồng xét xử nhận thấy, bà Nguyễn Thị H không thực hiện nghĩa vụ đúng cam kết đã ký, tự từ bỏ quyền chứng minh của mình nên phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 bộ luật tố tụng dân sự 2015. Do đó, nguyên đơn yêu cầu bà Nguyễn Thị H phải trả tổng số tiền 29.375.000đồng, gồm số tiền nợ gốc là 20.259.000đồng, số tiền lãi phát sinh từ ngày 21/5/2016 đến ngày 21/3/2019 là 9.116.000đồng và lãi phát sinh cho đến khi trả xong khoản nợ trên là hoàn toàn có căn cứ và phù hợp với quy định pháp luật nên chấp nhận.

Tại phiên Tòa, nguyên đơn không yêu cầu ông Phạm C là chồng của bà Nguyễn Thị H phải cùng trả số nợ trên vì việc mua bán hàng hóa, xác nhận nợ không liên quan gì đến ông Phạm C nên nguyên đơn không yêu cầu ông Phạm C phải trả nợ mà chỉ yêu cầu một mình bà Nguyễn Thị H phải trả số nợ trên. Do đó, Tòa án không buộc ông Phạm C phải cùng trả nợ với bà Hồng là phù hợp nguyện vọng của nguyên đơn.

4/ Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn Công ty TNHH sản xuất - dịch vụ - thương mại S được Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ nên bị đơn bà Nguyễn Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Công ty TNHH sản xuất - dịch vụ - thương mại S, ông Phạm C không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 3 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 147, Điểm b Khoản 2 Điều 227 và Khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 280, Điều 281, Điều 282, Điều 283, Điều 286, Điều 290, Điều 305, Điều 438 Bộ luật Dân sự 2005 và Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường

vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH sản xuất - dịch vụ - thương mại S đối với bà Nguyễn Thị H.

Buộc bà Nguyễn Thị H phải thanh toán cho Công ty TNHH sản xuất - dịch vụ - thương mại S tổng cộng 29.375.000đồng (hai mươi chín triệu ba trăm bảy mươi lăm ngàn đồng), gồm số tiền nợ gốc là 20.259.000đồng (hai chục triệu hai trăm năm mươi chín ngàn đồng), số tiền lãi phát sinh từ ngày 21/5/2016 đến ngày 21/3/2019 là 9.116.000đồng (chín triệu một trăm mười sáu ngàn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

2/ Về án phí:

Công ty TNHH sản xuất - dịch vụ - thương mại S không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho Công ty TNHH sản xuất - dịch vụ - thương mại S số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 800.000đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0023368 ngày 26/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận.

Bà Nguyễn Thị H phải chịu 1.4683.750đồng (một triệu bốn trăm sáu mươi tám ngàn bảy trăm năm chục đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Phạm C không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

3/ Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 16/4/2019), đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

“ Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Thuận;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- VKSND huyện Hàm Thuận Bắc;
- Chi cục THADS H.Hàm Thuận Bắc;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thị Mi Mi